TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HC-PT
Ngày: 27/02/2024
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến
Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 232/2023/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2023 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2023/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 205/2024/QĐPT-HC ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: 01 Lý Nam Đế, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại Th - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Văn

Ng - Trưởng phòng Phòng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: 66 đường C, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Nam C1 - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: - Người khởi kiện: bà Lê Thị C;

- Người bị kiện: UBND thành phố B (người đại diện theo ủy quyền ông Lê Đại Th - Phó Chủ tịch UBND);

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Lê Thị C và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Bà Trần Thị Kim L1 là công nhân lao động của Công ty TNHH MTV cà phê B (Công ty cà phê B). Năm 1998, bà L1 được giao khoán thửa đất số 23, tờ bản đồ số 27, diện tích 9.584m^2 để trồng các loại cây theo sự chỉ đạo của Nông trường. Từ năm 2003, gia đình bà L1 đã làm nhà trông coi, chứa dụng cụ, chứa vật tư, quản lý thu hoạch sản phẩm và xây chuồng trại chăn nuôi. Năm 2009, bà L1 tự đầu tư trồng cây cà phê. Tuy nhiên do đất xấu cây cà phê còi cọc nên đã chuyển đổi sang trồng cây sầu riêng và một số cây đặc sản dài ngày.

Ngày 04/6/2012, bà L1 và Công ty cà phê B ký kết "Hợp đồng kinh tế (V/v liên kết sản xuất cà phê)" số 85 Đ1/2012/HĐ, thời hạn hợp đồng từ ngày 04/6/2012 đến ngày 31/12/2030.

Ngày 10/4/2014, bà Trần Thị Kim L1 đã chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ đối với "Hợp đồng kinh tế (V/v liên kết sản xuất cà phê)" số 85 Đ1/2012/HĐ cho 02 người. Trong đó, bà C nhận chuyển nhượng phần lớn vườn sầu riêng, diện tích 8.584m^2, trên đó có nhà ở, nhà kho, chuồng trại chăn nuôi, sân phơi giếng nước và các loại cây trồng đặc sản.

Sau khi nhận vườn, bà C tiến hành cải tạo, đầu tư cho thu hoạch liên tục 03 năm từ năm 2014 đến 2017, vườn cây sầu riêng của bà mới bình phục và bắt đầu cho thu hoạch. Đồng thời, bà khai hoang, phục hoá hai phía bờ lô nên diện tích đất thực tế bà đang sử dụng là 8.996,6m^2.

Từ năm 2014 đến năm 2017, số nợ khoán hàng năm bà đưa tiền cho bà Trần Thị Kim L1 nộp cho Công ty cà phê B. Do vậy, bà không nợ tiền Hợp đồng nhận khoán. Bà C đã quy hoạch trồng cây một cách hợp lý trên thửa đất này như khoảng cách trồng sầu riêng ghép Thái Lan 06m x 06m = 249 cây, thực trồng 212 cây; giữa hai hàng tiêu trồng 01 hàng mít Thái Lan để chắn gió giữ ẩm cho cây sầu riêng (thực trồng 175 cây).

Từ khi tiếp quản vườn sầu riêng, bà đã bỏ rất nhiều công sức, tiền bạc để đầu tư nhưng vẫn chưa lấy lại được vốn. Từ năm 2018 (sau khi kiểm đếm), bà không dám đầu tư cây sầu riêng nữa vì sợ giải tỏa không lấy được vốn. Sau đó, bà bị mất thu hoạch từ năm 2019 đến năm 2022 là 04 năm.

Từ ngày tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của bà L1, bà C ở ổn định tại căn nhà trên vườn cây để đầu tư thâm canh và bảo quản, thu hoạch sản phẩm. Ngoài nhà ở này bà không có nhà và đất ở nào khác.

Ngày 15/12/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk và các ban ngành tham gia tiến hành kiểm đếm và lập Biên bản kiểm đếm xác định thiệt hại về đất, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu và các loại tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng sơ sở hạ tầng khu dân cư đường Nguyễn Thị Định, tổ dân phố 4, phường T, thành phố B. Cán bộ đi kiểm đếm nói với bà C là đất sắp bị thu hồi, yêu cầu không đầu tư tiếp.

Theo Dự thảo "Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường đất, nhà, vật kiến trúc và cây cối hoa màu" lần thứ nhất (đã được niêm yết công khai tại UBND phường T) bà được bồi thường số tiền là: 2.952.979.419 đồng. Trong đó: Nhà ở được bồi thường 161.120.724 đồng; Vật kiến trúc được bồi thường 397.131.335 đồng; Cây cối hoa màu được bồi thường 2.394.727.360 đồng.

Theo Dự thảo "Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường đất, nhà, vật kiến trúc và cây cối hoa màu" lần thứ hai (đã được niêm yết công khai tại UBND phường T), tôi được bồi thường số tiền là 1.728.292.497 đồng (giảm 1.224.586.922 đồng). Trong đó: Bồi thường chi phí vào đất còn lại 81.637.000 đồng đồng; Nhà ở được bồi thường 121.759.601 đồng/(161.120.724 đồng); giảm 39.361.123; Vật kiến trúc 174.957.215 đồng/(397.131.335 đồng), giảm 222.174.120 đồng; Cây cối hoa màu 1.346.938.680 đồng/(2.394.727.360 đồng), giảm 1.046.788.680 đồng; Các khoản hỗ trợ: Hỗ trợ chấp hành tốt bàn giao mặt bằng 3.000.000 đồng.

Ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10635/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư Phía Bắc, phường T, thành phố B (đợt 2 và đợt 3). Theo Quyết định này, bà bị thu hồi 8.998,6m^2 đất và tài sản trên đất theo Biên bản kiểm đếm ngày 15/12/2018.

Với vườn cây sầu riêng ghép Thái Lan vừa đầu tư 03 năm thu chưa đủ vốn thì đã bị thu hồi. Đối chiếu theo quy định của Nhà nước về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì gia đình bà bị thiệt thòi quá lớn.

Trong thời gian qua Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk đã xác minh về nhà ở, đất ở của bà. Hiện nay, bà không có nhà ở đất ở nào khác. Họ hướng dẫn bà làm đơn xin bố trí đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất không thông qua

đấu giá, nhưng đến hôm nay bà chưa được thông báo về bố trí đất ở.

Vì các lẽ trên, bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết các nội dung sau đây:

- Tuyên hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B;

- Buộc UBND thành phố B bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là 81.637.000 đồng; bồi thường 100% giá trị cây trồng bị thiệt hại (chi tiết các khoản bồi thường đã được nêu trong đơn khởi kiện); bổ sung hỗ trợ, ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm số tiền hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp; yêu cầu UBND thành phố B, thanh toán thêm khoản tiền lãi bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 59 Luật quản lý thuế trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả tính từ ngày 13/12/2028 khi Nhà nước lập Biên bản kiểm đếm đến ngày bà nhận tiền bồi thường (29/12/2022) là 04 năm và đến khi bà nhận được các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung. Đối với yêu cầu bồi thường bổ sung tài sản, vật kiến trúc là 250.656.425 đồng, tại Bản tự khai ngày 30/5/2023 và tại phiên tòa, người đại diện của người khởi kiện đã xin rút yêu cầu này nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Buộc UBND thành phố B giao cho bà C một thửa đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, khoản 3 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Tại bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Lê Đại Th trình bày:

Bà Lê Thị C đang sử dụng thửa đất số 34, tờ bản đồ số 7, diện tích 8998,6m^2 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị Kim L1 bằng giấy viết tay vào ngày 10/4/2014 (bà Trần Thị Kim L1 liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty cà phê B tại Hợp đồng số 85 Đ1/2012/HĐ ngày 04/6/2012). Năm 2017, UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi đất của Công ty cà phê B (do Công ty giải thể) giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trong đó có thửa đất do bà Lê Thị C đang sử dụng.

Năm 2019, UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi thực hiện Dự án Hạ tầng giao thông Khu dân cư phía Bắc tại phường T tại Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 28/10/2019. Trên cơ sở đó, Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước

thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên và được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022, trong đó chi phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Lê Thị C là 1.618.173.191 đồng; bà Lê Thị C đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công thực hiện dự án.

- Đối với nội dung bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật đất đai năm 2013, bà Lê Thị C sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Kim L1 vào ngày 10/4/2014 bằng giấy viết tay, không được Công ty cà phê B ký kết hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê trên diện tích đất thu hồi nêu trên nên không đủ điều kiện được áp dụng khoản hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định.

- Đối với nội dung bà Lê Thị C khởi kiện liên quan đến việc bồi thường bổ sung tài sản, vật kiến trúc là 250.656.425 đồng: Số liệu do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk công khai vào ngày 12/7/2022 thì chi phí vật kiến trúc của bà Lê Thị C là 174.957.215 đồng (mục đích của việc công khai để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm hoàn thiện phương án, Bảng tính dự thảo chưa được Hội đồng thẩm định thông qua nên không có cơ sở pháp lý). Sau khi Hội đồng thẩm định của UBND thành phố B thẩm định, ngày 29/12/2022 UBND thành phố B ban hành Quyết định phê duyệt phương án số 10635/QĐ-UBND, theo đó chi phí hỗ trợ về vật kiến trúc của gia đình bà là 146.474.910 đồng. Như vậy, chi phí hỗ trợ về vật kiến trúc giảm 28.482.305 đồng (chứ không phải 250.656.425 đồng như kiến nghị của bà Lê Thị C). Lý do giảm là do trong Bảng tính dự thảo Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk đã cộng thêm 20% vào giá trị còn lại của các tài sản không phục vụ sinh hoạt, điều này sai so với quy định tại điểm b khoản 4 Điều 23 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk, nên Hội đồng thẩm định đã đề nghị Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk không tính cộng thêm 20% vào giá trị còn lại của các tài sản không phục vụ sinh hoạt. Toàn bộ tài sản, vật kiến trúc của bà đã được hỗ trợ đầy đủ và đúng quy định, việc bà khởi kiện đòi bổ sung 250.656.425 đồng là không có cơ sở để giải quyết.

- Đối với nội dung bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu bồi thường 100% giá trị cây trồng bị thiệt hại: Căn cứ khoản 3 Điều 4 Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk "số cây vượt mật độ trên 100% thì không được bồi thường"; căn cứ Công văn số 11855/UBND-NNMT ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk "Cây trồng sau ngày 04/01/2017 (ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi đất) thì không được bồi thường, hỗ trợ". Như vậy, đối với các loại cây trồng đúng mật độ, cây trồng vượt mật độ đến 50%, cây vượt mật độ từ trên 50% đến 100% đã được bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Riêng đối với cây trồng vượt mật độ trên 100% và cây trồng năm

2018 của bà Lê Thị C không được bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định.

- Đối với nội dung bà Lê Thị C khởi kiện liên quan đến hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Bà Lê Thị C không có hợp đồng liên kết, hợp đồng nhận khoán với Công ty cà phê B. Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 bà Lê Thị C không thuộc trường hợp được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

- Đối với nội dung bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu UBND thành phố B giao 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá: Bà Lê Thị C không có hợp đồng liên kết, hợp đồng nhận khoán với Công ty cà phê B, việc bà Lê Thị C nhận chuyển nhượng đất của bà Trần Thị Kim L1 là vi phạm điểm i khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng số 85 Đ1/2012/HĐ ngày 04/6/2012 *"không được giao lại đất khoán hoặc đơn phương chuyển nhượng hợp đồng cho bên thứ 3 dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được bên A chấp thuận"*, nên không đủ điều kiện được giao 01 thửa đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá.

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Lê Thị C do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 đã đảm bảo quy định của pháp luật.

Do đó các nội dung khởi kiện của bà Lê Thị C là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Lê Thị C.

Tại bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk, ông Đào Nam C1 nhất trí với quan điểm trình bày của người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2023/HC-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng khoản 1 Điều 93 Luật đất đai; Điều 83; Điều 84; điểm d khoản 1 Điều 19 và khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

Áp dụng Điều 5 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung đối với các nội dung: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại; Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị C đối với các yêu cầu: Bồi thường 100% giá trị cây trồng bị thiệt hại; Giao 01 thửa đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá; Thanh toán thêm khoản tiền lãi bằng mức tiền chậm nộp theo Luật quản lý thuế trong thời gian chậm trả tính từ ngày 13/12/2018 đến ngày 29/12/2022 và cho đến khi nhận được các khoản tiền bồi thường bổ sung.

[3] Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị C về yêu cầu bồi thường bổ sung tài sản, vật kiến trúc.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/9/2023, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị C kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ngày 12/9/2023, Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lắk nhận đơn kháng cáo của ông Lê Đại Th là người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện bà Lê Thị C.

Ngày 26/9/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có kháng nghị số 13/QĐ-VKS-HC kháng nghị Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2023/HC-ST ngày 29/8/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố B về phê duyệt phương án bồi thường tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B; không buộc UBND thành phố B phải trả chi phí đầu tư vào đất còn lại cho bà Lê Thị C; buộc UBND thành phố B phải giao cho bà Lê Thị C một thửa đất để làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về tố tụng: Thẩm phán chủ toạ và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Về nội dung: Ngày 26/02/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã có Quyết định số 15/QĐ-VKS-HC rút toàn bộ kháng nghị số 13/QĐ-VKS-HC ngày 26/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm

đối với kháng nghị này. Đối với kháng cáo của người khởi kiện, tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền đã rút hai nội dung, chỉ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận cho người khởi kiện, buộc UBND thành phố B giao cho bà Lê Thị C một lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá. Xét thấy kháng cáo của người khởi kiện và kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự và xem xét quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã công bố Quyết định số 15/QĐ-VKS-HC ngày 26/02/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, rút toàn bộ quyết định kháng nghị số 13/QĐ-VKS-HC ngày 26/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 131/2023/HC-ST ngày 29/8/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 299 Luật tố tụng hành chính: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị này.

[2]. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không rút đơn khởi kiện nhưng rút một phần nội dung kháng cáo: rút phần kháng cáo yêu cầu về bồi thường 100% giá trị cây trồng, về yêu cầu thanh toán thêm khoản tiền lãi bằng mức tiền chậm nộp theo Luật quản lý thuế trong thời gian chậm trả tính từ ngày 13/12/2018 đến ngày 29/12/2022, chỉ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị UBND thành phố B giao cho bà Lê Thị C một lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, việc rút một phần nội dung kháng cáo là quyền của đương sự, Toà án chấp nhận và không xem xét theo thủ tục phúc thẩm nội dung kháng cáo đã rút này.

[3] Xét kháng cáo của bà Lê Thị C về yêu cầu UBND thành phố B giao một thửa đất để làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Năm 1998, bà Trần Thị Kim L1 là công nhân của Công ty TMMTV cà phê B, ký hợp đồng giao khoán thửa đất số 23, tờ bản đồ số 27, diện tích 9.584m^2. Ngày 04/6/2012, bà L1 và Công ty ký kết lại "*Hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê"* số 85/Đ1/2012/HĐ, thời hạn từ ngày 04/6/2012 đến ngày 31/12/2030. Ngày 10/4/2014, bà L1 chuyển nhượng một phần quyền và nghĩa vụ đối với Hợp đồng kinh tế số 85 này cho bà Lê Thị C với diện tích 8.584m^2. Tại điểm i khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng số 85 nêu trên ghi

rõ: *"Không được giao lại đất khoán hoặc đơn phương chuyển nhượng hợp đồng cho bên thứ ba dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được bên A chấp thuận"*. Việc chuyển nhượng này không được Công ty TMMTV cà phê B đồng ý và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa có công chứng, chứng thực theo quy định. Do đó, UBND thành phố Buôn Ma thuột không áp dụng Điều 5 Quyết định số 14/2022/ QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk đối với bà Lê Thị C là phù hợp và Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà C là đúng.

[4] Xét kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, thấy rằng: Toà án không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về yêu cầu bồi thường 100% giá trị cây trồng bị thiệt hại; yêu cầu thanh toán tiền lãi; yêu cầu giao một lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá. Tòa án chỉ xem xét chấp nhận: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại; Yêu cầu hỗ trợ sản xuất và đời sống; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; Không chấp nhận yêu cầu về bồi thường 100% giá trị cây trồng; thanh toán khoản tiền lãi; yêu cầu giao một lô đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá. Kháng cáo của UBND thành phố B cho rằng, khoản hỗ trợ ổn định sản xuất và đời sống; hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm do bà C sử dụng đất từ việc chuyển nhượng của bà L1 bằng giấy viết tay, không có hợp đồng giao khoán với Công ty, không được sự đồng ý của Công ty và không có sự xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên không được hỗ trợ. Thấy rằng bà C là người nhận chuyển nhượng từ bà L1 và người trực tiếp sản xuất trên đất này tại thời điểm thực hiện dự án. Do đó, nội dung kháng cáo của người bị kiện không có cơ sở, không được chấp nhận.

Từ những vấn đề phân tích trên thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng (chấp nhận 3 nội dung). Kháng cáo của người khởi kiện, kháng cáo của người bị kiện không có cơ sở nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà C và UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 299 Luật tố tụng hành chính: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị số 13/QĐ-VKS-HC ngày 26/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị C và kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 173 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng khoản 1 Điều 93 Luật đất đai; Điều 83; Điều 84; điểm d khoản 1 Điều 19 và khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

Áp dụng Điều 5 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung đối với các nội dung: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại; Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Lê Thị C, theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị C đối với các yêu cầu: Bồi thường 100% giá trị cây trồng bị thiệt hại; Giao một thửa đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá; Thanh toán thêm khoản tiền lãi bằng mức tiền chậm nộp theo Luật quản lý thuế trong thời gian chậm trả tính từ ngày 13/12/2018 đến ngày 29/12/2022 và cho đến khi nhận được các khoản tiền bồi thường bổ sung.

[3] Đình chỉ yêu cầu của bà Lê Thị C về yêu cầu bồi thường bổ sung tài sản, vật kiến trúc.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0004071 ngày 19/9/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bà Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0004070 ngày 14/9/2023 (do ông

Nguyễn Văn L nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Cường